

Số: 135/2020/QĐST-HNGĐ

B, ngày 19 năm 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, 6, và 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 148/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

Bà Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1977

Thường trú: D867, tổ 39, khu phố 8 (nay là tổ 3, khu phố 8A), phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Ông Vũ Đình L, sinh năm 1977

Thường trú: D867, tổ 39, khu phố 8 (nay là tổ 3, khu phố 8A), phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Yến N và ông Vũ Đình L chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Căn cứ các Điều 5, 6 và 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà N và ông L chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà N và ông L có 03 con chung là cháu Vũ Đình Anh T, sinh ngày 25/6/1999, Vũ Nhật M, sinh ngày 26/3/2004 và Vũ Hoàng A, sinh ngày 04/01/2008. Khi ly hôn, bà N và ông L thỏa thuận giao cho bà N được nuôi dưỡng cháu A và M, tạm thời ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các bên

được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Yên N và ông Vũ Đình L tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí VHNGĐ, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0007571 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B. Bà N và ông L đã nộp đủ lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Yên N và ông Vũ Đình L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà N và ông L có 03 con chung là cháu Vũ Đình Anh T, sinh ngày 25/6/1999, Vũ Nhật M, sinh ngày 26/3/2004 và Vũ Hoàng A, sinh ngày 04/01/2008. Khi ly hôn, giao cho bà N được nuôi dưỡng cháu A và M, tạm thời ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Yên N và ông Vũ Đình L tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí VHNGĐ, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0007571 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B. Bà N và ông L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ný sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND TP. B;
- THA DS TP. B;
- UBND phường T;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoàng Phương